

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
Bản án số 19 /2018/HS-ST  
Ngày 27- 4 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Tiến Thả

Ông Phạm Ngọc Hòa

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Dương Mỹ Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 27- 4 - 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST – HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2108/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T (tên gọi khác Cu C), sinh ngày 10 tháng 7 năm 1999 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Phụ giúp việc gia đình; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình P (chết) và bà Trịnh Thị L; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 8 năm 2017 đến ngày 08 tháng 12 năm 2017 hủy bỏ tạm giam để đi thi hành Quyết định thi hành hình phạt tù số 30//2017/QĐ-CA ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; bị cáo T có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh V, sinh năm 1996 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Á và bà Võ Thị Thu A; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 8 năm 2017 cho đến nay; bị cáo V có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T:** Ông Đặng Thái H - Chức vụ: Trợ giúp viên pháp lý

Nơi làm việc: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước ( Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh V:* Luật sư Lê Minh T, sinh năm 1971.

Nơi làm việc: Văn phòng luật sư Minh D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước ( Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

1. Cháu Đỗ Thị Ngọc D, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2009

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

2. Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

3. Anh Nguyễn Viết G, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Cháu Đỗ Thị Ngọc D:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn Á, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Có mặt tại phiên tòa).

3. Ông Đỗ Thức Đ, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Khu P, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

4. Anh Lê Hữu T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

5. Anh Lưu Đức N, sinh năm 26 - 6 - 2001

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

6. Anh Lục Hoàng S, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

7. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lưu Đức N:* Ông Lưu Đức T

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

-*Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Cháu Đỗ Minh T, sinh năm 2009

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

2. Cháu Nguyễn Đàm Minh K, sinh năm 2008

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

-*Người đại diện hợp pháp của người làm chứng cháu Đỗ Minh T:* Ông Đỗ Minh T

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

- *Người đại diện hợp pháp của người làm chứng cháu Nguyễn Đàm Minh K:* Bà Đàm Thị Sao M

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ( Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

### **1.Vụ thứ nhất:**

Vào khoảng 10 giờ ngày 28- 6 - 2017 Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh V, Lê Hữu Tr và Lưu Đức N cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đó V điều khiển xe mô tô Wave alpha, biển số 3H1- 222.88 ( xe của ông Nguyễn Văn Á là bố của V) chở T, còn Tr điều khiển xe mô tô Novo ( không rõ biển số) chở N đi đến thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thì Tr và N phát hiện nhà anh Nguyễn Viết G không có ai trông coi nên T và V đứng ngoài canh gác, còn Tr và N vào nhà anh G lấy 01 máy phát cỏ nhãn hiệu Zenoah đem về nhà Ng cất giấu. Sau đó T và V nhờ anh Nguyễn Văn T, ở thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước giới thiệu người mua máy phát cỏ này. Anh T không biết là tài sản trộm cắp nên đã giới thiệu anh Lục Hoàng S, ở cùng thôn B, xã Đ mua và do anh S cũng không biết là tài sản trộm cắp nên đã đồng ý mua máy phát cỏ này do V và T bán với giá 700.000 đồng, rồi T và V chia nhau mỗi người 350.000 đồng tiêu xài hết số tiền này.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59/HĐ.ĐGTSTTTTHS ngày 18 - 10 - 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước kết luận giá trị còn lại của máy phát cỏ nhãn hiệu Zenoah tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 28- 6 – 2017 là 1.150.000 đồng.

## **2.Vụ thứ hai:**

Vào khoảng 06 giờ ngày 20 - 7 - 2017 Nguyễn Minh T và Lê Hữu Tr khi đi qua nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thấy nhà chị N không có ai trông coi nên T rủ Tr vào nhà chị N trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì Tr đồng ý. Lúc này Tr đi ra sau nhà dùng 01 con dao cạo hạt điều phá cánh cửa sau nhà chị N, rồi Tr chui vào trong nhà mở chốt cửa cho T đi vào lấy 01 âm ly nhãn hiệu Deltaco và 01 đầu đĩa DVD nhãn hiệu Ariang đem đến bán cho anh Nguyễn Văn L ở thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, vì anh L không biết là tài sản trộm cắp đã đồng ý mua âm ly và đầu đĩa này với giá 700.000 đồng, sau đó T và Tr chia nhau mỗi người 350.000 đồng tiêu xài hết số tiền này.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59/HĐ.ĐGTSTTTTHS ngày 18 - 10 - 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước kết luận tổng giá trị còn lại của 01 âm ly nhãn hiệu Deltaco và 01 đầu đĩa DVD nhãn hiệu Ariang tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 20 - 7 - 2017 là 770.000 đồng.

## **3.Vụ thứ ba:**

Vào khoảng 09 giờ ngày 24 - 7 – 2017 Lê Hữu Tr điều khiển xe mô tô Cúp ( Không rõ biển số) đến rủ Nguyễn Minh T đi đến nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước để tiếp tục trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Khi đến nơi T và Tr thấy nhà chị N không có ai trông coi và cửa trước nhà không khóa nên T và Tr vào nhà chị N lấy 02 cái loa thùng nhãn hiệu HLOV, rồi T và Tr lại đem đến bán cho anh Nguyễn Văn L ở thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, vì anh L cũng không biết là tài sản trộm cắp nên đã đồng ý mua 02 cái loa thùng này với giá 700.000 đồng, sau đó T và Tr chia nhau mỗi người 350.000 đồng tiêu xài hết số tiền này.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 73/HĐ.ĐGTSTTTTHS ngày 14 - 11 - 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước kết luận tổng giá trị còn lại của 02 cái loa thùng nhãn hiệu Hlov tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 24 – 7 - 2017 là 795.000 đồng.

## **4.Vụ thứ tư:**

Vào khoảng 10 giờ ngày 12 - 7 – 2017 Nguyễn Thanh V điều khiển xe mô tô Wave alpha, biển số 3H1- 222.88 ( xe của ông Nguyễn Văn Á là bố của V) chở Nguyễn Minh T cùng nhau đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Minh C ở thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thì T và V thấy nhà anh C không có ai trông coi nên T và V chạy xe vào bên hông nhà anh C, V đứng canh gác, còn T ra mở nắp giếng thấy có 01 máy bơm nước ( loại bơm nổi) nhưng T không lấy mà T tiếp tục tìm kiếm tài sản thì thấy cửa sau nhà không khóa mà buộc dây nên T cởi dây, mở cửa đi vào nhà lấy 03 con dao cạo mũ cao su đem ra cùng V giấu vào bụi cỏ ven đường. Sau đó T rủ

V quay lại nhà anh C vào nhà lấy 01 xe mô tô Wave Trung Quốc ( Không rõ biển số ), rồi T đem xe mô tô của anh C đến thị trấn Thanh H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước bán cho một người ( không biết họ tên, địa chỉ) với giá 1.000.000 đồng. Sau đó T quay về lấy 03 con dao cạo mủ cao su đem bán cho một người phụ nữ ( không biết họ tên, địa chỉ) lấy số tiền 250.000 đồng . Tổng số tiền bán xe mô tô và 03 con dao cạo mủ cao su được 1.250.000 đồng một mình T đã tiêu xài hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 42/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 14 - 8 - 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước kết luận tổng giá trị còn lại của 01 xe mô tô Wave Trung Quốc và 03 con dao cạo mủ cao su tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 12- 7 - 2017 là 2.725.000 đồng.

#### **5.Vụ thứ năm:**

Vào khoảng 14 giờ ngày 08 - 8 - 2017 Nguyễn Minh T rủ Nguyễn Thanh V đi tìm kiếm gà để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì V đồng ý. Khi đó T điều khiển xe mô tô Wave alpha, biển số 3H1- 222.88 ( xe của ông Nguyễn Văn Á là bố của V) chở V đang đi trên đường thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thì gặp các cháu trẻ em, trong đó có cháu Nguyễn Đàm Minh K, sinh năm 2008; cháu Đỗ Minh T, sinh năm 2009; cháu Đỗ Thị Ngọc D, sinh năm 2009 cùng ở Thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đang chơi ngoài đường. Khi đó T và V thấy cháu K cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo nên T và V định lấy chiếc điện thoại này nhưng khi nói cháu K đưa điện thoại cho xem thì thấy điện thoại đã hỏng nên T và V trả lại cho cháu K.

Lúc này T thấy cháu Đỗ Thị Ngọc D đang ngồi trên xe đạp dừng trên đường chơi có đeo 01 sợi dây chuyền vàng trên cổ nên T rủ V lấy dây chuyền của cháu D thì V đồng ý. T điều khiển xe mô tô chở V ngồi sau xe đi đến rồi dừng xe mô tô song song với xe đạp của cháu D cũng đang dừng trên đường, cháu D ngồi sau yên xe đạp hai chân chống xuống đất. T và V giả vờ nói chuyện với cháu D hỏi thăm đường, khi cháu D đang trả lời thì V ngồi sau xe mô tô hai chân chống xuống đất, sợ cháu D bị ngã nên V đã chồm người qua dùng hai tay mở móc khóa sợi dây chuyền trên cổ cháu D để lấy sợi dây chuyền, cháu D thấy vậy mới hô lên “ Cướp, cướp” nhưng T và V đã chạy xe đi mất.

T và V đem sợi dây chuyền vàng đến bán cho ông Đỗ Thức Đ, - Chủ tiệm vàng M ở khu phố 6, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, vì không biết tài sản phạm tội nên ông Đ đồng ý mua sợi dây chuyền này với giá 880.000 đồng, rồi T và V chia nhau mỗi người 440.000 đồng tiêu xài hết số tiền này.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 45/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 14 -8 - 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước kết luận giá trị còn lại của 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 05 phân, loại vàng 18 kara tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 08 - 8 - 2017 là 1.067.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSBGM ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Nguyễn Thanh V cùng về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên Dương Mỹ Hùng trình bày:

Riêng các hành vi của bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr, anh Lưu Đức N trộm cắp tài sản của bị hại chị N, anh G do không đủ định lượng giá trị tài sản nên các hành vi này không cấu thành tội phạm. Vì vậy Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr, anh Lưu Đức N về các lần trộm cắp tài sản này.

Nay Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T, bị cáo V về hành vi cướp giật tài sản của cháu D và trộm cắp tài sản của anh C như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Minh T từ 40 đến 46 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 và từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Bị cáo Nguyễn Thanh V từ 36 đến 40 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 và từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tổng hợp hình phạt tù của 02 tội thành hình phạt chung buộc các bị cáo T, V phải chấp hành.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Nguyễn Thanh V khai nhận đã có các hành vi như sau:

- Bị cáo T và bị cáo V cùng nhau có hành vi giật 01 sợi dây chuyền vàng của cháu Đỗ Thị Ngọc D, vào ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo T và bị cáo V cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Wave Trung Quốc và 03 con dao cạo mủ cao su của anh Nguyễn Minh C, vào ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại thôn B, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo T và Lê Hữu Tr cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 cái loa thùng nhãn hiệu Hlov của chị Nguyễn Thị N, vào ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo T và Lê Hữu Tr cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 âm ly nhãn hiệu Deltaco và 01 đầu đĩa DVD nhãn hiệu Ariang của chị Nguyễn Thị N, vào ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo T, bị cáo V, Lê Hữu Tr và Lưu Đức N cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy phát cỏ nhãn hiệu Zenoah của Nguyễn Viết G vào ngày 28 tháng 6 năm 2017 tại thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Sau đó đến ngày 09 tháng 8 năm 2017 bị cáo T, bị cáo V đã ra đầu thú và khai nhận tại Công an xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước về hành vi phạm tội của mình.

Những bị hại cháu Đỗ Thị Ngọc D, anh Nguyễn Minh C, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Viết G; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu Tr, anh Lưu Đức N, anh Lục Hoàng S, ông Đỗ Thúc Đ, anh Nguyễn Văn L; những người làm chứng cháu Đỗ Minh T, cháu Đàm Minh K, anh Nguyễn Văn T cùng trình bày nội dung vụ án đúng như bị cáo T, bị cáo V đã khai.

**Tại phiên tòa hôm nay những người bào chữa trình bày như sau:**

**1. Ông Đặng Thái H trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T:**

- Khi phạm tội bị cáo T chưa đủ 18 tuổi, đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T có tác động với gia đình của bị cáo bồi thường tài sản cho bị hại cháu D, anh C. Bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

- Còn Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 với tình tiết dùng thủ đoạn nguy hiểm là chưa đúng. Vì, khi bị cáo V và bị cáo T cướp giật sợi dây chuyền vàng của cháu D thì lúc đó cả xe mô tô của hai bị cáo và xe đạp của cháu D cùng dừng lại trên đường, bị cáo V sợ cháu D bị ngã nên đã dùng hai tay mở móc khóa lấy dây chuyền trên cổ cháu D rồi mới chạy xe đi. Như vậy các bị cáo T, V không đang chạy xe mô tô trên đường hoặc cháu D không đang chạy xe đạp trên đường khi bị giật dây chuyền. Các bị cáo V, T không dùng thủ đoạn nguy hiểm nào khi cướp giật tài sản. Do đó bị cáo T chỉ phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định mức hình phạt cho bị cáo T mức thấp nhất.

## ***2. Ông Lê Minh T trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh V:***

- Bị cáo V có những hành vi là trộm cắp tài sản xe mô tô, 03 con dao cạo mủ cao su của anh C và cướp giật sợi dây chuyền vàng của cháu D đã cấu thành tội phạm. Về tội “Trộm cắp tài sản” đồng ý theo truy tố và đề nghị mức án phạt tù của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã trình bày đối với bị cáo V.

- Khi bị cáo V, bị cáo T giật sợi dây chuyền vàng của bị hại cháu D thì xe đạp của cháu D đã dừng lại hẳn trên đường, cháu D ngồi trên yên sau xe hai chân cháu D chống xuống đất, còn xe mô tô của các bị cáo cũng dừng hẳn trên đường song song với xe đạp của cháu D. Như vậy các bị cáo T, V không đang điều khiển xe mô tô lúc lấy sợi dây chuyền vàng của cháu D và cháu D cũng không đang điều khiển xe đạp đi trên đường nên căn cứ theo Thông tư số 02/2001/TLTT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 -12-2001 của Tòa án ND tối cao, Viện kiểm sát ND tối cao, Bộ Công an, Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự năm 1999 thì các bị cáo T, V không dùng thủ đoạn nguy hiểm khi phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Nguyễn Thanh V về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 với tình tiết dùng thủ đoạn nguy hiểm là chưa đúng pháp luật. Bị cáo V chỉ phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại khung hình phạt về tội này cho bị cáo V

- Về các hành vi trộm cắp tài sản của những bị hại anh G, chị N không cấu thành tội phạm đúng như Viện kiểm sát đã nêu.

- Trong vụ án này bị cáo V phạm tội với vai trò thứ yếu, do bị cáo T khởi xướng và rủ bị cáo V thực hiện việc phạm tội. Bị cáo V đã tác động với gia đình để bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại anh C và bị hại cháu D nên đã được anh C và gia đình cháu D làm đơn bãi nại cho bị cáo V, bị cáo V còn có nhiều tính tiết giảm

nhẹ theo quy định tại các điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Nguyễn Thanh V phù hợp với lời khai của những bị hại cháu Đỗ Thị Ngọc D, anh Nguyễn Minh C, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Viết G; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu Tr, anh Lưu Đức N, anh Lục Hoàng S, ông Đỗ Thúc Đ, anh Nguyễn Văn L; những người làm chứng cháu Đỗ Minh T, cháu Nguyễn Đàm Minh K, anh Nguyễn Văn T, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Tuy nhiên các hành vi sau đây của bị cáo T và bị cáo V không cấu thành tội phạm :

- Bị cáo T và người đồng phạm anh Lê Hữu Tr cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 cái loa thùng nhãn hiệu Hlov của chị Nguyễn Thị N, vào ngày 24 tháng 7 năm 2017 có tổng giá trị tài sản 795.000 đồng;

- Bị cáo T và người đồng phạm anh Lê Hữu Tr cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 âm ly nhãn hiệu Deltaco và 01 đầu đĩa DVD nhãn hiệu Ariang của chị Nguyễn Thị N, vào ngày 20 tháng 7 năm 2017 có tổng giá trị tài sản 770.000 đồng;

- Bị cáo T, bị cáo V và những người đồng phạm anh Lê Hữu Tr, anh Lưu Đức N cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy phát cò hiệu Zenoah của Nguyễn Viết G vào ngày 28 tháng 6 năm 2017 có trị giá tài sản 1.150.000 đồng;

Vì những lần trộm cắp tài sản này đều có giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng và bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr, anh Lưu Đức N cùng không thuộc các trường hợp: Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH 13; Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH 13 thì bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr và anh Lưu Đức N cùng không phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Do đó Hội đồng xét xử không xử lý về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr và anh Lưu Đức N trong các lần trộm cắp tài sản nêu trên của chị N, anh G. Nhưng về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng của những lần trộm cắp tài sản này Hội đồng xét xử vẫn giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với các hành vi của bị cáo T, bị cáo V cùng nhau giật 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 05 phân, loại vàng 18 kara của cháu Đỗ Thị Ngọc D, vào ngày 08 tháng 8 năm 2017 có giá trị tài sản 1.067.500 đồng và lén lút chiếm đoạt

01 xe mô tô Wave, 03 con dao cạo mủ cao su của anh Nguyễn Minh C, vào ngày 12 tháng 7 năm 2017 có tổng giá trị tài sản 2.725.000 đồng, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cháu D và anh C.

Bị cáo T và bị cáo V cùng nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của cháu D và anh C là trái pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo T, bị cáo V vẫn cố ý cướp giật tài sản của cháu D và trộm cắp tài sản của anh C để bán lấy tiền tiêu xài.

Hành vi này của bị cáo T và bị cáo V chiếm đoạt tài sản của anh C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo T, bị cáo V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo V và bị cáo T chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng của cháu D mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã kết luận và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 với tình tiết dùng thủ đoạn nguy hiểm là chưa đúng pháp luật, vì:

Khi bị cáo V và bị cáo T giật sợi dây chuyền vàng của cháu D thì cả xe đạp của cháu D và xe mô tô của các bị cáo cùng đang dừng lại trên đường song song với nhau. Bị cáo T, bị cáo V và cháu D cùng ngồi trên xe chân chống xuống đất. Vì sợ cháu D bị ngã nên bị cáo V đã chồm người qua xe cháu D, dùng hai tay mở móc khóa sợi dây chuyền trên cổ cháu D để lấy dây chuyền, rồi mới nói bị cáo T chạy xe đi để tẩu thoát. Như vậy các bị cáo T, V không đang điều khiển xe mô tô lúc lấy sợi dây chuyền vàng của cháu D và cháu D cũng không đang điều khiển xe đạp đi trên đường khi bị lấy sợi dây chuyền vàng. Thể hiện bị cáo T, bị cáo V không dùng thủ đoạn nguy hiểm nào khi chiếm đoạt tài sản của cháu D và thực tế cháu D cũng không bị các bị cáo dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hay bị thương tích, nguy hiểm gì đến tính mạng, sức khỏe khi bị chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại tiêu mục 5.3 mục 5 phần I Thông tư số 02/2001/TLTT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25- 12 - 2001 của Tòa án ND tối cao, Viện kiểm sát ND tối cao, Bộ Công an, Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “ Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo T và bị cáo V không dùng thủ đoạn nguy hiểm khi phạm tội. Do đó bị cáo V, bị cáo T chỉ phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Lời bào chữa của ông Đặng Thái H và luật sư Lê Minh T cho bị cáo T và bị cáo V nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Căn cứ vào quy định về giới hạn của việc xét xử tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn có quyền xét xử luôn bị cáo T, bị cáo V về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 ngay tại phiên tòa hôm nay.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do các hành vi phạm tội của bị cáo T, bị cáo V đã gây ra cho bị hại anh C, cháu D, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng cho bị cáo T và bị cáo V một mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và cũng để giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi áp dụng hình phạt có xem xét đến vai trò đồng phạm; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo V, bị cáo T cụ thể như sau:

- Về vai trò đồng phạm:

Trong lần phạm tội cướp giật tài sản của cháu D và trộm cắp tài sản của anh C thì bị cáo T đều là người chủ mưu khởi xướng và rủ bị cáo V phạm tội, trong lần trộm cắp tài sản của anh C thì bị cáo T cũng là người trực tiếp vào lấy tài sản, còn trong lần cướp giật bị cáo V là người trực tiếp thực hiện việc lấy sợi dây chuyền vàng của cháu D. Như vậy vai trò phạm tội của bị cáo T cao hơn bị cáo V trong vụ án này.

Lẽ ra bị cáo T phải chịu mức hình phạt tù cao hơn bị cáo V nhưng khi phạm tội bị cáo T là người chưa đủ 18 tuổi, vì theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1534/C54B ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ công an thì tại thời điểm giám định (Tháng 5 năm 2017) bị cáo Nguyễn Minh T có độ tuổi từ 17 năm 9 tháng đến 18 năm 3 tháng. Tính theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì đến ngày 12 - 7 - 2017 trộm cắp tài sản của anh C và ngày 08 - 8 - 2017 cướp giật tài sản của cháu D, bị cáo T còn chưa thành niên.

Kiểm sát viên Dương Mỹ Hùng trình lời luận tội cho rằng khi phạm tội bị cáo T đã thành niên và đề nghị mức hình phạt tù cao hơn bị cáo V là chưa đúng pháp luật, gây bất lợi cho bị cáo T. Vì vậy Hội đồng xét xử phải căn cứ vào Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng mức hình phạt tù cho bị cáo T thấp hơn bị cáo V ( đã thành niên) là phù hợp với quy định của pháp luật.

-Về nhân thân :

Khi phạm tội bị cáo V không có tiền án, tiền sự gì. Còn đối với bị cáo T mặc dù lúc phạm tội không có tiền án, tiền sự gì nhưng trước đó vào ngày 15 – 02 -2017 bị cáo T phạm tội “ Trộm cắp tài sản” đã bị Tòa án ND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 08 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/HSST/ ngày 29- 7- 2017 và hiện nay bị cáo T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Tổng Lê Chân thuộc Bộ Công an. Như vậy cần phải tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của bản án này với hình phạt tù của hai tội trong vụ án này buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung theo luật định.

-Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

Bị cáo V và bị cáo T cùng có tình tiết tăng nặng là “ Phạm tội đối với trẻ em” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 vì bị hại cháu D sinh ngày 29- 11- 2009, tại ngày 08 -8 -2017 phạm tội cháu D đang là trẻ em.

Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo T, bị cáo V đã ra đầu thú; cùng thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại về tài sản không lớn; bị cáo T, bị cáo V có tác động với gia đình của các bị cáo để tự nguyện thực hiện bồi thường toàn bộ tài sản cho bị hại anh C; bị hại anh C và gia đình bị hại cháu D cùng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo V; đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo T , bị cáo V theo quy định tại các điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô Wave alpha, biển số 3H1- 222.88 của ông Nguyễn Văn Á mà bị cáo T, bị cáo V đã dùng làm phương tiện đi lại khi phạm tội, do ông Á cho bị cáo V ( Con ông Á) mượn xe để đi lại mà ông Á không biết các bị cáo đã dùng xe của mình để thực hiện việc phạm tội nên cần trả lại cho ông Á.

Trả lại bị hại chị Nguyễn Thị N 02 loa thùng nhãn hiệu Hlov, 01 âm ly nhãn hiệu Deltaco và 01 đầu đĩa DVD nhãn hiệu Ariang.

Trả lại bị hại anh Nguyễn Viết G 01 máy phát cò nhãn hiệu Zenoah.

Trong quá trình điều tra ông Nguyễn Minh Á ( Bố bị cáo V) và bà Trịnh Thị L ( Mẹ bị cáo T ) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường tài sản cho bị hại anh Nguyễn Minh C bằng số tiền 3.400.000 đồng.

Nay những bị hại anh G, chị N, anh C cùng không yêu cầu bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr và anh Lưu Đức N bồi thường gì về dân sự và ông Á, bà L cùng không yêu cầu bị cáo T, bị cáo V phải trả lại số tiền mà ông Á, bà L đã bỏ ra thay bị cáo T, bị cáo V bồi thường cho anh C nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Bị hại cháu D và người đại diện hợp pháp của cháu D: chị Lê Thị T ( Mẹ cháu D) yêu cầu bị cáo T, bị cáo V phải bồi thường giá trị sợi dây chuyền vàng mà các bị cáo đã chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài nay không thu hồi được bằng số tiền 1.200.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông Á, bà L và luật sư T ( bào chữa cho bị cáo T) cùng trình bày đã tự thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại cháu D số tiền 1.200.000 đồng, nhưng những người này không cung cấp được chứng cứ về việc đã bồi thường cho gia đình bị hại cháu D nên Hội đồng xét xử không có chứng cứ để xem xét. Do đó cần phải buộc bị cáo T, bị cáo V liên đới bồi thường giá trị sợi dây chuyền vàng 05 phân, loại vàng 18 ka ra cho bị hại cháu D theo định giá tài sản bằng số tiền 1.067.500 đồng là phù hợp pháp luật.

Đối với anh Lục Hoàng S, anh Nguyễn Văn L, ông Đỗ Thức Đ, anh Nguyễn Văn T không biết tài sản do bị cáo T, bị cáo V phạm tội mà có nên đã giới thiệu, mua các tài sản do bị cáo T, V bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập không xử lý những người này về hình sự, do đó Hội đồng xét xử cũng không xử lý hình sự đối với những người này.

Nay anh Lục Hoàng S, anh Nguyễn Văn L và ông Đỗ Đức Đ cùng không yêu cầu bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr và anh Lưu Đức N phải trả lại số tiền đã bỏ ra mua tài sản phạm tội và cũng không yêu cầu bị cáo T, bị cáo V, anh Lê Hữu Tr và anh Lưu Đức N bồi thường gì về dân sự cho ông Đ, anh S và anh L. Do đó cần truy thu của bị cáo T, bị cáo V và anh Lê Hữu Tr các khoản tiền do phạm tội mà có khi bán tài sản phạm tội cho anh L, anh S và ông Đ như đã nêu ở trên, cụ thể: Tổng số tiền do phạm tội mà bị cáo V đã được hưởng là 790.000 đồng, tổng số tiền do phạm tội mà bị cáo T được hưởng là 2.480.000 đồng và số tiền do phạm tội mà anh Lê Hữu Tr được hưởng là 350.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Đối với các vật chứng là con dao cạo hạt điều, xe mô tô Novo và xe mô tô Cúp mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu Tr đã dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nay không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xử lý các vật chứng này.

[5] Các bị cáo Nguyễn Thanh V, Nguyễn Minh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 136, khoản 1 Điều 138, Điều 41, Điều 42, Điều 74; các điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 101, Điều 103, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH 13; Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH 13; Điều 106, Điều 136, Điều Điều 329, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**1.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh V phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V 21 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội thành hình phạt chung là 02 ( Hai) năm 06 ( Sáu ) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 8 năm 2017 bị tạm giữ, tạm giam.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh V để đảm bảo việc thi hành án.

**2.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội này với hình phạt 08 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 29- 7- 2017 của Tòa án ND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 12 năm 2017 bị cáo T đã đi chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 09 tháng 8 năm 2017 đến ngày 08 tháng 12 năm 2017, thời hạn tù còn lại bị cáo T tiếp tục phải chấp hành.

### **3. Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Nguyễn Thanh V có nghĩa vụ liên đới bồi thường giá trị sợi dây chuyền vàng cho bị hại cháu Đỗ Thị Ngọc D bằng số tiền 1.067.500 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường là 533.750 đồng.

### **4. Về vật chứng vụ án:**

- Trả lại bị hại chị Nguyễn Thị N 02 loa thùng nhãn hiệu Hlov, 01 âm ly nhãn hiệu Deltaco và 01 đầu đĩa DVD nhãn hiệu Ariang.

- Trả lại bị hại anh Nguyễn Viết G 01 máy phát cỏ hiệu Zenoah.

- Trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Á 01 xe mô tô Wave alpha, biển số 3H1- 222.88.

-Truy thu của bị cáo Nguyễn Thanh V số tiền 790.000 đồng, bị cáo Nguyễn Minh T số tiền 2.480.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu Tr số tiền 350.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **6. Án phí sơ thẩm:**

- Bị cáo Nguyễn Thanh V, bị cáo Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thanh V, bị cáo Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

#### **7. Kháng cáo, kháng nghị:**

##### **7.1. Kháng cáo :**

Bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Á, bà Trịnh Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 tuyên án.

Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lục Hoàng S, anh Nguyễn Văn L, anh Lê Hữu Tr, anh Lưu Đức N, ông Đỗ Đức Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

##### **7.2. Kháng nghị :**

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 tuyên án.

*(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)*

#### **Nơi nhận:**

- TAND VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- Người ĐDHP của bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- Người ĐDHP của người có QLNV liên quan;
- Lưu HSVA;TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Đại**

